

UBND HUYỆN THẠCH AN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Thạch An)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện (Quý I)	So sánh thực hiện với	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	16,830	2,310	13.72	1.08
I	Thu cân đối NSNN	16,830	2,310	13.72	82.28
1	Thu nội địa	16,830	2,310	13.72	82.28
2	Thu viện trợ	-	-		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				-
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	375,578	54,871	14.61	9.31
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	374,578	54,871	14.65	9.31
1	Chi đầu tư phát triển	17,499	2,991	17.09	1.91
2	Chi thường xuyên, dự phòng, chương trình mục tiêu	357,079	51,880	14.53	11.98
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1,000	-		

UBND HUYỆN THẠCH AN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Thạch An)

ĐV tính: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022 (Quý I)	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ 2021
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	16,830	2,310	13.72	82.28
I	Thu nội địa	16,830	2,310	13.72	82.28
1	Thu từ DNNN do TW quản lý	150	44	29.33	84.94
2	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	60	136	226.67	165.05
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	8,060	781	9.68	61.12
4	Thuế thu nhập cá nhân	800	218	27.25	100.46
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	3,500	558	15.94	81.58
7	Thu phí, lệ phí	1,000	209	20.88	147.01
8	Các khoản thu về nhà, đất	2,550	-	-	-
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7		-	-
-	Thu tiền sử dụng đất	2,450		-	-
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	93		-	
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu đóng góp từ hoạt động khoáng sản	110			
10	Thu khác ngân sách	600	365	60.76	111.83
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	13,784	1,873	13.59	78.43
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	13,784	1,873	13.59	78.43

UBND HUYỆN THẠCH AN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Thạch An)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện năm 2022 (Quý I)	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm 2021
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	375,578	54,871	14.61	55.73
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	374,578	54,871	14.65	106.93
I	Chi đầu tư phát triển	17,499	2,991	17.09	71.62
1	Chi đầu tư cho các dự án	17,499	2,691	15.38	64.44
2	Chi đầu tư phát triển khác		300		100.00
II	Chi thường xuyên	349,734	51,880	14.83	110.06
	Trong đó:				
1	Chi Quốc phòng - An ninh	5,546	1,212	21.86	83.93
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	144,496	24,733	17.12	103.21
3	Chi khoa học và công nghệ				
4	Chi y tế, dân số và gia đình	21,705	5,331	24.56	100.91
5	Chi SN văn hóa phát thanh truyền hình, thể thao	4,438	485	10.93	112.53
6	Chi bảo vệ môi trường	3,140	-	0.00	0.00
7	Chi hoạt động kinh tế	69,307	198	0.29	75.00
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	84,928	16,521	19.45	110.75
9	Chi bảo đảm xã hội	16,174	3,400	21.02	162.76
10	Chi khác				0.00
III	Chi dự phòng ngân sách	7,345			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	1,000	-	0.00	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình, dự án nhiệm vụ khác	1,000	-	0.00	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				